TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN** Bản án số 22/2023/DS-ST Ngày 18 tháng 9 năm 2023 *V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Bình**
Ông **Trần Quang Chử**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký toà án huyện Ân Thi
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:*
Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 06 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS ngày 30/8/2023 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C
Địa chỉ: Số A phố L, P. H, Q.H, TP Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc
Người được ủy quyền: Ông Lê Ngọc S - Giám đốc Phòng C
Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đức M - Phó Giám đốc Phòng C
Địa chỉ: Phố B, thị trấn Â, huyện Â, Hưng Yên
- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Â, tỉnh Hưng Yên
Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo uỷ quyền phía nguyên đơn trong qúa trình tố tụng thể hiện: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 15/5/2018 của ông Trần Văn T1 đã được tổ tiết kiệm vay vốn thôn Đ do bà Vũ Thị X làm tổ trưởng bình xét cho vay theo chương trình hộ nghèo; trên cơ sở xác nhận của UBND xã Đ về việc ông T1 thuộc hộ nghèo và đề nghị Ngân hàng C cho vay số tiền 50.000.000đ. Ngày 19/5/2018 Phòng C đã phê duyệt và giải ngân cho ông T1 vay tiền, mục đích sử dụng để trồng nhãn, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 6,6%/năm, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/5/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông T1 đóng lãi đầy đủ, ông T1 đã thanh toán được một phần tiền lãi là 4.590.233đ, nhưng từ tháng 8/2019 ông T1 thường xuyên nộp thiếu hoặc không nộp lãi. Đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/5/2023, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng có thông báo đôn

đốc trả nợ gốc phân kỳ, trả lãi tiền vay chương trình hộ nghèo đến ông T1, đồng thời nhiều lần kết hợp cùng chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể động viên ông T1 trả nợ, nhưng ông T1 viện lý do thoái thác không trả. Ngày 21/5/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay 50.000.000đ sang nợ quá hạn với lãi suất bằng 130% lãi suất khi cho vay và đã thông báo cho ông T1 biết.

Để thu hồi nợ cho Nhà nước, Ngân hàng C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, buộc ông Trần Văn T2 phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền gốc là 50.000.000đ cùng số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 20/5/2023 là 11.918.812đ và số tiền lãi quá hạn phát sinh đến nay.

Lời khai ông Trần Văn T1 *trong quá trình tố tụng thể hiện:* Do gia đình ông thuộc hộ nghèo của xã Đ và có nhu cầu vay vốn để trồng nhãn, nên ngày 20/5/2018 ông được Phòng giao dịch Ngân hàng C giải ngân cho cho vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn vay là 5 năm, lãi suất 6,6%/năm, việc trả lãi suất thoả thuận trả vào ngày 20 hàng tháng. Do kinh doanh bị thua lỗ nên sau khi nhận tiền vay, ông đã dùng khoản tiền này để trả nợ cho một số khoản vay khác. Qúa trình thực hiện hợp đồng, do thông tin về các quy định thu lãi của Ngân hàng không rõ ràng nên ông đã yêu cầu làm rõ thì ông mới nộp lãi và hoàn trả cả gốc nhưng Ngân hàng lờ đi nên ông dừng không thực hiện chứ không phải ông không trả. Hơn nữa, trong khi thực hiện thu lãi hàng tháng thì ngoài tiền lãi ông còn phải nộp thêm số tiền 10.000đ/tháng, ông không đồng ý. Bên cạnh đó tổ trưởng tổ vay vốn có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của ông khi cố tình thông báo hay đưa văn bản thu lãi hàng tháng của ông cho hàng xóm xung quanh ông biết. Từ khoảng tháng 8/2019 đến nay ông chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 50.000.000đ cũng như tiền lãi. Ông đã nhận được thông báo chuyển khoản vay sang lãi quá hạn của Ngân hàng. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Xác minh với bà Phạm Thị P - *Chủ tịch hội phụ nữ* xã Đ *cung cấp:* Ông T1 thời gian đầu vay bên Hội nông dân nhưng sau đó hội không đủ số lượng hội viên theo quy định nên chuyển hồ sơ vay của ông T1 qua hội phụ nữ xã để tín chấp cho ông T1 vay vốn. Ông T1 khi vay thuộc đối tượng hộ nghèo của xã và được vay theo diện ưu đãi của Ngân hàng C. Ông T1 vay mục đích phát triển kinh tế. Sau khi thẩm định hội đã đề nghị và đảm bảo để Ngân hàng cho ông T1 vay. Khi vay do hộ ông T1 chỉ có duy nhất một mình ông đủ năng lực còn các thành viên khác trong hộ còn bé chưa trưởng thành nên chỉ ông T1 ký vay. Sau khi hồ sơ đề nghị cấp vốn hợp lệ thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1 vay 50.000.000đ. Quá trình thực hiện, ông T1 chỉ nộp lãi đúng cam kết đến hết tháng 7/2019 thì không nộp lãi cũng như các khoản thu theo quy định cho đến hiện nay.

Xác minh với bà Vũ Thị X - *Tổ trưởng vay vốn* thôn C*:* Thực hiện nhiệm vụ thẩm định cũng như thu lãi của các hội viên vay ngân hàng chính sách. Ông T1 vay ngân hàng chính sách như cung cấp của bà P là chính xác. Bà là người được giao thu lãi hàng tháng nên bà có đôn đốc và chuyển phiếu thu nếu gia đình đóng. Tuy nhiên ông T1 đã không đóng lãi đúng cam kết từ tháng 8/2019 cho đến nay và còn phản ứng chửi bà mỗi khi bà thực hiện nhiệm vụ, sau đó ông T1 thường tìm cớ gây sự và không thực hiện cam kết với Ngân hàng C.

Xác minh với ông Nguyễn Văn G - *Chủ tịch UBND xã cung cấp:* ông T1 thuộc hộ nghèo của xã Đ và là đối tượng được vay vốn ưu đãi sản xuất phát triển kinh tế gia đình. UBND xã cùng các ban nganh đã hết sức tạo điều kiện để ông T1

được tiếp cận vốn vay để làm ăn. Sau khi được giải ngân ông T1 chỉ thực hiện nghiêm chỉnh từ tháng 5 đến tháng 7/2019 thì chây ì không trả lãi cũng như gốc cho ngân hàng. UBND xã Đ đã kết hợp với Ngân hàng chính sách và các hội ban ngành động viên thuyết phục nhưng ông T1 không nghe.

Quan điểm của UBND xã: Để đảm bảo thu hồi vốn thực hiện chính sách hỗ trợ người dân đề nghị Toà án buộc ông T1 phải hoàn trả toàn bộ gốc và lãi cho Ngân hàng C.

Tại phiên tòa: Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa buộc ông Trần Văn T1 thanh toán cho Ngân hàng C số nợ gốc là 50.000.000đ, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 21/8/2019 đến ngày 20/5/2023 là 11.918.812đ, lãi quá hạn tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày 18/9/2023 là 1.423.165đ. Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/9/2023 là 63.340.977đồng. Ngoài ra, kể từ sau xét xử yêu cầu ông T1 nếu không trả được nợ thì phải trả lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán.

Về số tiền thu của ông T1 10.000đ hàng tháng thì đây là khoản tiền thu theo hướng dẫn nghiệp vụ số 4198/NHCS-TDNN ngày 16/12/2014 mục đích hỗ trợ tổ viên vay vốn thực hành tiết kiệm chứ không phải Ngân hàng chính sách thu không rõ ràng như ông T1 cáo buộc.

Bị đơn là ông T1 thừa nhận khoản vay của Ngân hàng chính sách và số tiền Ngân hàng yêu cầu ông phải trả. Tuy nhiên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì lý do như ông đã trình bày trước đó.

Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:

*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như:

- Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định từ Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Xác minh, thu nhập chứng cứ và lấy lời khai của đương sự đúng quy định từ các Điều 93 đến 97 BLTTDS.
- Thông báo thụ lý được gửi cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Thẩm phán đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định từ các Điều 208 đến 211 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS

*. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Tại phiên tòa:Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký: Đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật

*. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn, bị đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật TTDS. Điều 385, 463, 466, 468, và Điều 470 BLDS, Nghi quyết số 01/ 2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm, Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C. Buộc bị đơn ông Trần Văn T1 phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng C số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/9/2023 là 11.918.812 đồng, lãi quán hạn 1.423.123 đồng và các khoản nợ lãi phát sinh theo thỏa thuận đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Về án phí và các chi phí tố tụng: Do ông Trần Văn T1 thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị xem xét miễn, giảm án phí cho ông T1 theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ Điều 3 của Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng C, quy định: "Hoạt động của Ngân hàng C xã hội không vì mục đích lợi nhuận..." nên việc Ngân hàng C xã hội cho ông T1 vay tiền để phát triển kinh tế gia đình là thực hiện chính sách xã hội của Nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản (tiền) quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Văn T1 cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện Â nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 19/5/2018, ông Trần Văn T1 có giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vay vốn, chương trình cho vay hộ nghèo kiêm hợp đồng tín dụng và được phê duyệt cùng ngày 19/5/2018 với Ngân hàng C vay số tiền 50.000.000đ, mục đích vay để trồng nhãn, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 6,6%/năm, lãi tiền vay được trả định kỳ vào ngày 20 hàng tháng. Việc Phòng C cho ông T1 vay tiền, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015, do vậy làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Ngày 20/5/2018, Phòng C đã thực hiện giải ngân và ông T1 nhận đủ số tiền 50.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 mới chỉ thanh toán được tiền lãi đến ngày 20/7/2019 số tiền là 4.590.233đ. Từ tháng 8/2019 đến nay ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, không thực hiện nghĩa vụ của bên vay như cam kết. Phía Ngân hàng nhiều lần có thông báo đôn đốc trả nợ gốc phân kỳ, trả lãi tiền vay đến ông T1, đồng thời tổ vay vốn cũng như chính quyền địa phương đã nhiều lần nhắc nhở, thuyết phục và động viên việc trả nợ nhưng ông T1 không hợp tác. Còn quan điểm ông T1 cho rằng thông tin về các quy định thu lãi của Ngân hàng C không rõ ràng nên ông đã yêu cầu phải làm rõ thì ông mới nộp lãi và hoàn trả cả gốc nhưng Ngân hàng không thực hiện nên ông không trả. Hơn

nữa trong khi thực hiện thu lãi hàng tháng thì ngoài tiền lãi ông còn phải nộp thêm khoảng 10.000đ/tháng, ông không đồng ý. Bên cạnh đó tổ trưởng tổ vay vốn có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của ông khi cố tình thông báo hay đưa văn bản thu lãi hàng tháng của ông cho hàng xóm xung quanh ông biết, tuy nhiên ông không cung cấp được giấy tờ tài liệu gì để chứng minh, do vậy lời khai của ông là không có căn cứ.

Ông T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội các khoản tiền sau:

Số tiền gốc: 50.000.000đ

Lãi trong hạn: 11.918.812đ

Lãi quá hạn tính đến ngày 18/9/2023 là 1.423.165đ

Tổng là 63.340.977đ.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T1 thuộc hộ cận nghèo, bản thân lại là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông T1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 385, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho Phòng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 63.340.977đ (trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 11.918.812đ, lãi quá hạn là 1.423.165đ).

Kể từ ngày 19/9/2023, ông T1 tiếp tục có nghĩa vụ trả cho Phòng C xã hội huyện Â khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T1.

Hoàn trả Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền 1.500.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003160 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi ngày 13/6/2023.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Ân Thi;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu HS;

Lương Thị Thuỷ